

Bản án số: 178/2019/HC-PT
Ngày 16 - 04 - 2019
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý nhà nước về đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 116/TLPT-HC ngày 19 tháng 05 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 14 ngày 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 261/2019/QĐPT-HC ngày 20 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Văn Bích S, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L - Chủ tịch UBND huyện Đ.
(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T – Viên chức Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 145 Đường tỉnh 822, ấp Chánh, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Người khởi kiện, ông Trần Văn Bích S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, ông Trần Văn Bích S trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định 9382/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và có Quyết định 9383/QĐ-UBND cùng ký ngày 24/10/2016 về việc bồi thường hỗ trợ do bị thiệt hại về đất cho ông Trần Văn Bích S. Ông S thấy mức hỗ trợ cho hộ của ông S quá thấp, chỉ được 0,4 lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại, trong khi đó hộ bà Phạm Thị T có đất bị thu hồi (gần đất ông S) được tính mức hỗ trợ: Diện tích x đơn giá đất x 02 lần, đất của bà T bị thu hồi ít hơn đất ông S bị thu hồi nhưng bà T nhận tiền cao hơn ông S rất nhiều.

Vì vậy ông S khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ, Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q nâng mức hỗ trợ cho ông S cụ thể như sau:

- 4.963m² x 45.000 x 02 lần.

- 9.283m² x 30.000 x 02 lần.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An có ý kiến:

Thực hiện bản án số 09/2015/HC-PT ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định 9382/QĐ-UBND về việc thu hồi 14.246m² tại các thửa đất 113, 115 cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã T và có Quyết định cùng ngày số 9383/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với hộ ông Trần Văn Bích S số tiền 866.590.185đ. Tiếp sau đó, Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định 20576/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 bồi thường hỗ trợ bổ sung 88.620.176đ cho hộ ông Trần Văn Bích S.

Việc ông S đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ nâng mức hỗ trợ đơn giá đất lên 02 lần là không có căn cứ xem xét, mức hỗ trợ chỉ được 0,4 lần đơn giá đất cùng loại, trong bảng giá đất định kỳ 05 năm được ban hành kèm theo Quyết định 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đề nghị Tòa án giữ nguyên các Quyết định nói trên và bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Bích S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2019/HC-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Bích S về việc yêu cầu nâng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm lên gấp 02 lần đơn giá diện tích đất bị thu hồi.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 19 tháng 4 năm 2017, ông Trần Văn Bích S là người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn Bích S trình bày: Đất của ông do UBND huyện cấp sai cho ông Huỳnh Văn Phong nên mới xảy ra tranh chấp 15 năm mới có bản án. Nếu UBND huyện không sai thì hộ ông S đã được đền bù theo Nghị định 69. Việc áp dụng hỗ trợ cho ông S theo Nghị định 47 là thiệt thòi cho ông. Vì vậy, ông yêu cầu UBND huyện Đ nâng mức hỗ trợ cho ông S từ 0.4 lên 2 lần mới phù hợp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Việc ông S so sánh mức hỗ trợ như của bà T là không đúng. Vì ông S và bà T đất đều có tranh chấp được giải quyết bằng bản án của Tòa án. Bản án của bà T có hiệu lực năm 2013 nên bà T được hỗ trợ 02 lần theo Nghị định 69, còn bản án của ông S có hiệu lực năm 2015 lúc này Nghị định 69 không còn hiệu lực nên không áp dụng mà áp dụng Nghị định 47 để hỗ trợ cho ông S. Việc ông S đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ nâng mức hỗ trợ đơn giá đất lên 02 lần là không có căn cứ xem xét. Đề nghị Tòa án giữ nguyên các Quyết định nói trên và bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Bích S.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện kháng cáo trong thời hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện xác định hai phần đất của ông S và bà T đều nằm trong dự án sân Golf nhưng trường hợp bà T là căn cứ vào Nghị định 69 năm 2009 của Chính phủ và được hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 02 lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại, trong khi đó đất của ông S thì căn cứ vào Nghị định 47 năm 2014 nên chỉ hỗ trợ bằng 0.4 lần. Xét thấy, tại Quyết định 3454 ngày 23/9/2015 hỗ trợ cho bà T vẫn căn cứ Nghị định 47 nên việc trình bày này là không phù hợp với Quyết định nên kháng cáo của ông S là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015 chấp nhận kháng cáo của ông S. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, hủy Quyết định 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của UBND huyện Đ, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi, bồi thường: Thực hiện Bản án số 09/2015/HC-PT ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định 9382/QĐ-UBND về việc thu hồi 14.246m² đất tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An và Quyết định 9383/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ hộ ông Trần Văn Bích S 866.590.185đ. Hai quyết định cùng ký ngày 24/10/2016. Ngày 29/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhận được đơn khởi kiện của ông Trần Văn Bích S do Tòa án nhân dân huyện Đ chuyển đến. Tính từ ngày nhận quyết định đến ngày nộp đơn khởi kiện chưa quá 01 năm. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện trong hạn luật định.

Ủy ban nhân dân huyện Đ có quyết định thu hồi, bồi thường thiệt hại về đất là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định 9383/QĐ-UBND, ngày 24/10/2016 bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn Bích S 866.590.185đ (trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 556.860.185đ, chính sách hỗ trợ là 200.370.000đ). Sau đó có Quyết định 20576/QĐ-UBND, ngày 29/12/2016 bồi thường, hỗ trợ bổ sung 88.620.176đ.

Tại Quyết định 9383/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 trong đó có áp dụng chính sách hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm là căn cứ vào Quyết định 2871/QĐ-UBND, ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đang có hiệu lực, cụ thể là $(45.000đ \times 0,4 \text{ lần} \times 4.963m^2) + (30.000đ \times 0,4 \text{ lần} \times 9.283m^2) = 200.730.000đ$.

[2.2] Việc ông S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 2871/QĐ-UBND, ngày 13/7/2016 để nâng giá hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm lên gấp 02 lần đơn giá, diện tích đất nông nghiệp cùng loại như trước đây áp dụng chính sách hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị T là có căn cứ. Bởi lẽ:

Tại Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 về phê duyệt đơn giá về bồi thường về đất và mức hỗ trợ thực hiện dự án sân golf của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q đầu tư trên địa bàn xã T, huyện Đ cho bà Phạm Thị T thì “Về mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được tính bằng 2.0 lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương”.

Tại Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của UBND tỉnh Long An về phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá để bồi thường về đất và mức hỗ trợ thực hiện dự án sân Golf do Công ty Cổ phần đầu tư Quốc tế CSQ làm chủ đầu tư trên địa bàn xã T, huyện Đ cho ông Trần Văn Bích S thì “Về mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi

đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được tính bằng 0.4 lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương”.

Hai quyết định trên đều căn cứ vào Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng lại có mức hỗ trợ lại khác nhau.

[2.2] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định cả hai phần đất của ông S và bà T đều nằm trong dự án sân Golf nhưng trường hợp của bà T là căn cứ vào bản án số 57/2013/HCPT ngày 10/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có hiệu lực năm 2013 nên áp dụng Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và được hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 02 lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại, còn đất của ông S căn cứ vào bản án số 09/2015/HCPT ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có hiệu lực năm 2015 khi đó Nghị định 69 hết hiệu lực nên căn cứ Nghị định 47 năm 2014 nên chỉ hỗ trợ 0.4 lần.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Quyết định 3454 ngày 23/9/2015 hỗ trợ cho bà T vẫn căn cứ Nghị định 47 nên việc trình bày này là mâu thuẫn. Về thực tế, thời điểm hỗ trợ cho bà T là vào tháng 9/2015 áp dụng Nghị định 69, còn ông S thì bản án có hiệu lực pháp luật vào tháng 01/2015 nhưng áp dụng Nghị định 47 là không hợp lý. Đặc biệt, tại phiên tòa ông S cho rằng do địa phương lấy đất của ông cấp cho người khác, ông khởi kiện để đòi lại đất. Tòa án xử cho ông thắng kiện tuyên bố việc Ủy ban nhân dân cấp đất cho người khác là sai, việc làm sai của UBND làm ông S không được giao đất ngay khi có quyết định thu hồi đất như những người khác mà phải chờ Tòa án xử có hiệu lực pháp luật ông mới có đất để giao thu hồi. Như vậy, lỗi giao đất trễ là không thuộc về ông.

[2.3] Mặt khác, sau khi Bản án số 09/2015/HC-PT ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có hiệu lực. Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định 9382/QĐ-UBND về việc thu hồi 14.246m² đất tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An và Quyết định 9383/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ hộ ông Trần Văn Bích S 866.590.185đ cùng ngày 24/10/2016. Tuy Quyết định thu hồi đất vào năm 2016 nhưng thu hồi đất trên dựa phương án phê duyệt dự án làm sân Golf của UBND tỉnh Long An năm 2009. Do đó đối chiếu tại Khoản 3 Điều 34 Nghị định 47 quy định: “*Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 07 năm 2014 tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt*”. Như vậy, quyết định thu hồi đất của ông S vào năm 2009 thì phải được tiếp tục bồi thường hỗ trợ theo phương án đã phê duyệt năm 2009 theo quy định tại Nghị định 69.

Tại điểm a Khoản 1 Điều 22 Nghị định 69 quy định về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm:

a) Hỗ trợ bằng tiền từ 1,5 đến 5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương

Tối thiểu hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ 1.5 lần nhưng ông S chỉ được hỗ trợ 0.4 lần là không phù hợp

[2.4] Như vậy, cùng thời điểm ra quyết định hỗ trợ thu hồi đất làm dự án sân Golf của UBND tỉnh Long An, cùng địa phương, cùng loại đất nhưng UBND huyện Đ, tỉnh Long An lại ra quyết định hỗ trợ khác nhau gây bức xúc cho người dân. Việc ông Trần Văn Bích S yêu cầu hủy Quyết định về mức hỗ trợ chuyên đổi nghề và tìm kiếm việc làm là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Bích S về việc yêu cầu hủy quyết định 2871/QĐ-UBND ngày 13 tháng 07 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn Bích S không phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009.

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn Bích S. Sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Bích S.

Hủy quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13 tháng 07 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm.

Ông Trần Văn Bích S không phải chịu án phí sơ thẩm: Hoàn trả cho ông Trần Văn Bích S số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm ông đã nộp theo biên lai số 0000541 ngày 27/12/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Ông Trần Văn Bích S không phải chịu án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Trần Văn Bích S số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm ông đã nộp theo biên lai số 0000805 ngày 19/4/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 14b (MTTT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân